

Số: 2134 /TCT - KK

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2015

V/v các nội dung mới của Quy trình miễn thuế, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-TCT ngày 20/4/2015.

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và các Nghị định hướng dẫn thi hành, Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư: Thông tư số 156/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 và Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung sửa đổi về quản lý thuế. Ngày 20/4/2015, Tổng cục Thuế đã có Quyết định số 749/QĐ-TCT ban hành Quy trình miễn thuế, giảm thuế thay thế Quyết định số 1444/QĐ-TCT và công văn số 3368/TCT-KK ngày 19/8/2014 của Tổng cục Thuế về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Quy trình miễn giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-TCT. Tổng cục Thuế giới thiệu các nội dung mới của Quy trình miễn thuế, giảm thuế như sau:

1. Sửa đổi các trường hợp cơ quan thuế quyết định miễn thuế, giảm thuế tại Điểm 2.1 Mục II Phần I, cụ thể như sau:

"2.1. Các trường hợp cơ quan thuế quyết định miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Điều 46 Chương VI Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính được áp dụng trong quy trình này, gồm:

- a) Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân.*
- b) Miễn hoặc giảm thuế tiêu thụ đặc biệt, tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp cho người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ theo quy định của pháp luật không có khả năng nộp thuế.*
- c) Miễn, giảm thuế tài nguyên đối với tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên theo quy định tại Điều 9 Luật Thuế tài nguyên.*
- d) Miễn, giảm thu tiền sử dụng đất.*
- e) Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước"*

Trước đây, Quyết định 1444/QĐ-TCT hướng dẫn theo các trường hợp quy định tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC đã được thay thế bởi Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định các trường hợp miễn, giảm thuế không áp dụng theo Quy trình miễn thuế, giảm thuế tại Điểm 3 Mục II Phần I như sau:

2.1. Sửa đổi:

“3.1. Trường hợp người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn, giảm theo quy định Điều 45 Chương VI Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính thực hiện theo quy định tại Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế và Quy trình kiểm tra thuế của Tổng cục Thuế”

Trước đây, Quyết định 1444/QĐ-TCT hướng dẫn theo quy định tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC đã được thay thế bởi Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

2.2. Bổ sung:

“3.2. Trường hợp miễn, giảm thuế đối với trường hợp hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán tạm ngừng, nghỉ kinh doanh; hộ kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Điều 21 và Điều 46 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính thực hiện theo hướng dẫn tại Quy trình Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh của Tổng cục Thuế”.

Quy trình Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh là quy trình quản lý theo đối tượng đã hướng dẫn việc miễn, giảm thuế đối với hộ kinh doanh nên không hướng dẫn tại Quy trình miễn giảm thuế nữa. Theo đó, bỏ các nội dung liên quan đến miễn giảm thuế đối với hộ kinh doanh.

3. Sửa đổi về nội dung Giải thích từ ngữ tại Mục III Phần I như sau:

“QHS: Ứng dụng theo dõi nhận, trả hồ sơ thuế cấp Cục và Chi cục hoặc phân hệ theo dõi nhận trả hồ sơ thuế trên ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS)”

Trước đây, Quyết định 1444/QĐ-TCT hướng dẫn: “QHS: Ứng dụng theo dõi nhận, trả hồ sơ thuế”

4. Sửa đổi nội dung giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế tại cơ quan thuế như sau:

“1.2.1. Giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế tại cơ quan thuế

Bộ phận giải quyết hồ sơ MGT thực hiện:

a) Phân tích hồ sơ miễn thuế, giảm thuế:

...

Trường hợp NNT đã giải trình, bổ sung mà chưa đủ theo yêu cầu của CQT thì dự thảo thông báo giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu (lần 2) trình thủ trưởng CQT duyệt ký gửi NNT. Thời gian NNT giải trình, bổ sung thông tin, tài

liệu theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 60 Thông tư số 156/2013/TT-BTC (không quá 10 ngày làm việc đối với Thông báo lần 1 và 10 ngày làm việc đối với Thông báo lần 2, kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung của CQT hoặc hồi báo (nếu gửi qua đường bưu điện). Thời gian chờ NNT giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu không tính trong tổng số thời gian giải quyết hồ sơ MGT của CQT”.

Trước đây, Quyết định 1444/QĐ-TCT hướng dẫn: “Thời gian NNT giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo hướng dẫn tại Điểm 1 Điều 55 Thông tư số 28/2011/TT-BTC”.

5. Sửa đổi nội dung đề xuất giải quyết miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế phải kiểm tra thực tế tại trụ sở NNT trước khi ra quyết định miễn thuế, giảm thuế như sau:

“Căn cứ kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở NNT, bao gồm: Biên bản kiểm tra; quyết định xử lý kết quả kiểm tra và các tài liệu có liên quan khác (nếu có) tiếp tục bổ sung nội dung vào Mục V và Mục VI Phiếu nhận xét và xử lý hồ sơ miễn thuế, giảm thuế (mẫu số 01/QTr-MGT ban hành kèm theo Quy trình này) và lập Phiếu đề xuất miễn thuế, giảm thuế (mẫu số 04/QTr-MGT ban hành kèm theo Quy trình này)

Trước đây, Quyết định 1444/QĐ-TCT chưa hướng dẫn cụ thể, Quyết định 749/QĐ-TCT sửa đổi theo nội dung đã được hướng dẫn tại công văn số 3368/TCT-KK để phù hợp với nội dung mẫu biểu đã được sửa đổi và để đáp ứng ứng dụng CNTT.

6. Sửa đổi nội dung về chế độ báo cáo tại Điểm 2.1 Mục I Phần II:

“....

b) Chế độ báo cáo:

- Báo cáo thống kê và kế toán kết quả miễn thuế, giảm thuế theo chế độ qui định tại Quyết định số 255 TCT/QĐ/KH ngày 28/3/2001, Quyết định số 259/QĐ-TCT ngày 17/3/2006 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Quyết định số 1492/QĐ-TCT ngày 3/10/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Tổng cục Thuế.

- Sổ theo dõi tình hình miễn thuế, giảm thuế (mẫu số 07/QTr- MGT ban hành kèm theo Quy trình):

Hàng tháng, Cục thuế/Chi cục Thuế lập Sổ theo dõi tình hình miễn thuế, giảm thuế (mẫu số 07/QTr- MGT ban hành kèm theo Quy trình) lưu trữ tại cơ sở dữ liệu của CQT, không phải gửi báo cáo về TCT...”.

Trước đây, Quyết định 1444/QĐ-TCT:

+ Chưa hướng dẫn việc báo cáo theo “Quyết định số 1492/QĐ-TCT ngày 3/10/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế” do Quyết định này ban hành sau Quyết định 1444/QĐ-TCT.

+ Hướng dẫn: “Bảo cáo chi tiết kết quả MGT (mẫu số 05/QTr-MGT)”.
Mẫu biểu này đã được sửa đổi bằng “Sổ theo dõi tình hình miễn thuế, giảm thuế (mẫu số 07/QTr- MGT)” ban hành kèm theo công văn số 3368/TCT-KK nêu trên.

7. Sửa đổi về thời hạn giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế tại Mục III Phần II như sau:

“III. THỜI HẠN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ MIỄN GIẢM THUẾ:

-Thời hạn giải quyết hồ sơ MGT thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 6 Điều 46 Thông tư số 156/2013/TT-BTC

...”

Trước đây, Quyết định 1444/QĐ-TCT hướng dẫn theo quy định tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC: “Thời hạn giải quyết hồ sơ MGT thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 7 Điều 39 Thông tư số 28/2011/TT-BTC”.

8. Cập nhật các mẫu biểu đã ban hành kèm theo công văn số 3368/TCT-KK ngày 19/8/2014 của Tổng cục Thuế về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Quy trình miễn giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định 1444/QĐ-TCT.

9. Các nội dung đã hướng dẫn tại quy trình miễn, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế được sửa đổi tại Quy trình miễn, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế như sau:

+ “Phiếu nhận xét hồ sơ miễn thuế, giảm thuế” nay sửa là “Phiếu nhận xét và xử lý hồ sơ miễn thuế, giảm thuế”.

+ “Thông báo về việc hồ sơ chưa đủ, chưa đúng thủ tục (Mẫu số 07/QTr-MGT)” nay sửa là “Thông báo về việc hồ sơ chưa đủ, chưa đúng thủ tục (Mẫu số 05/QTr-MGT)”.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Cục thuế kịp thời tổng hợp, phản ánh về Tổng cục Thuế để được nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục (để b/c);
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu: VT, KK (3b).

90

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

